

CHỨC NĂNG TÔN GIÁO CỦA HỘI ĐỒNG TÔN GIÁO TRUYỀN THỐNG NGƯỜI CHĂM Ở NINH THUẬN QUA NGHI LỄ SUK YENG - NHÌN TỪ LÝ THUYẾT CHỨC NĂNG VÀ CHỨC NĂNG - CẤU TRÚC

Tóm tắt: Bài viết trình bày chức năng tôn giáo của Hội đồng Tôn giáo truyền thống người Chăm ở Ninh Thuận qua trường hợp nghi lễ Suk Yeng. Nghi lễ Suk Yeng là một loại nghi lễ được tổ chức theo chu kỳ 3 năm một lần tại các thánh đường của người Chăm Awal/Bani (Chăm ảnh hưởng Islam giáo). Trước khi thực hiện nghi lễ, Hội đồng Tôn giáo truyền thống của người Chăm (bao gồm đại diện của 7 cả sư ở 7 thánh đường người Chăm Awal và đại diện 3 cả sư ở 3 đền tháp của người Chăm Ahiér - Chăm ảnh hưởng Bàlamôn) nhóm họp đánh giá việc thực hiện công tác tôn giáo như quan, hôn, tang, tế, lịch pháp... trong ba năm trước như thế nào? Trên cơ sở này, Hội đồng Tôn giáo truyền thống rút kinh nghiệm và đề xuất những phương hướng hoạt động mới trong 3 năm tiếp theo. Nhờ đó, giữa cộng đồng Chăm Awal và Chăm Ahiér, tuy khác tôn giáo nhưng họ hoạt động đồng nhất, không cản trở và xung đột nhau. Hội đồng Tôn giáo truyền thống góp phần điều hòa mối quan hệ xã hội và gắn kết hai tôn giáo với nhau.

Từ khóa: Chức năng, tôn giáo, xã hội, nghi lễ, gắn kết.

Đặt vấn đề

Người Chăm là dân tộc thiểu số trong khối cộng đồng dân tộc Việt Nam, theo số liệu điều tra dân số năm 2009, dân số người Chăm là 161.727 người tập trung tại Ninh Thuận, Bình Thuận, Phú Yên, Bình Định, Đồng Nai, Tây Ninh, An Giang, Tp. Hồ Chí Minh¹.... Hiện nay, họ còn bảo lưu nhiều truyền thống, tập tục mang bản sắc riêng, đáng chú ý nhất là di sản tôn giáo như đền, tháp, bia ký, tượng thờ và nghi

* Khoa Nhân học, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn Tp. Hồ Chí Minh.
Ngày nhận bài: 09/01/2017; Ngày biên tập: 08/02/2017; Ngày duyệt đăng: 20/02/2017.

lễ tôn giáo... còn hiện hữu ở dải đất Miền Trung Việt Nam.

Trong những năm gần đây, văn hóa Chăm được giới khoa học quan tâm nghiên cứu. Tuy nhiên ở Việt Nam tùy thuộc vào chính sách nhà nước ở từng thời kỳ khác nhau mà các nhà khoa học có cách nhìn và nhận định khác nhau về di sản văn hóa Chăm. Đáng chú ý nhất trong giai đoạn 1975 - 1986, một số di sản văn hóa Chăm được nhà nước, chính quyền và các nhà khoa học tôn vinh, bảo tồn, nhưng một số di sản văn hóa khác như tôn giáo truyền thống, tôn giáo ngoại nhập, một số nghi lễ người Chăm bị xem là lạc hậu, mê tín dị đoan cần được xóa bỏ. Hàng loạt nghi lễ nông nghiệp, lễ hội cầu đảo, cầu mưa, lễ Suk Yeng và sự sinh hoạt của Hội đồng tôn giáo bị hạn chế sinh hoạt trong thời điểm này. Sau năm 1986, Việt Nam mở cửa và hội nhập, một số nghi lễ trên, trong đó có lễ Suk Yeng và sinh hoạt Hội đồng tôn giáo Chăm truyền thống lại được phục hồi. Hiện nay chức năng, vai trò của nghi lễ trong tín ngưỡng, tôn giáo, xã hội của người Chăm thể hiện như thế nào thì chưa được đề cập đến?

Từ lý thuyết chức năng, trong phạm vi bài viết này chúng tôi xem chức năng, vai trò của nghi lễ Suk Yeng và Hội đồng tôn giáo Chăm truyền thống đối với tôn giáo - xã hội Chăm. Nó là những tập tục mê tín dị đoan, rườm rà tốn kém cần xóa bỏ hay có chức năng quan trọng trong việc liên kết, điều hòa mối quan hệ trong xã hội, tôn giáo của người Chăm từ xưa đến nay? Đây là câu hỏi đặt ra trong bài nghiên cứu này.

1. Khái quát thuyết chức năng và vai trò của nó trong nghiên cứu tôn giáo - xã hội²

Vào cuối thế kỷ 20, ở Phương Tây xuất hiện nhiều trào lưu lý thuyết khác nhau để tiếp cận nghiên cứu các lĩnh vực khoa học - xã hội nhân văn trong đó có nhân học. Nổi lên trong những trường phái lý thuyết trên có trường phái lý thuyết chức năng và chức năng - cấu trúc gắn với tên tuổi của 3 học giả: Bronislaw Malinowski (1884-1942), A. R. Radcliffe Brown (1881-1955) và Émile Durkheim (1858-1917). Mặc dù cùng được xếp vào một trường phái nhưng mỗi học giả, ngoài tiếp cận những cái chung, còn có những hướng tiếp cận riêng để lý giải chức năng văn hóa, tôn giáo, xã hội,.... Trường lý thuyết chức năng và chức năng - cấu trúc đề cập và lý giải nhiều vấn đề liên quan đến nền văn hóa, tôn giáo, xã hội khác nhau nhưng ở

phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ trình bày những nét cơ bản mà chúng tôi quan tâm, có thể sử dụng để lý giải một vài vấn đề liên quan đến nội dung của bài viết này.

Đầu tiên phải kể đến Bronislaw Malinowski, cha đẻ trường phái chức năng luận. Quan điểm chính của trường phái lý thuyết này cho rằng: *Các hợp phần của văn hóa phối hợp với nhau để phục vụ nhu cầu của con người*. Nghiên cứu văn hóa như một cơ thể toàn vẹn được tạo ra bởi những yếu tố, các bộ phận đáp ứng nhu cầu cuộc sống con người. Nhiệm vụ quan trọng, khi chúng ta nghiên cứu nên chia tách chỉnh thể văn hóa thành ra các bộ phận nhưng không không được tách rời mà phải chỉ ra mối quan hệ phụ thuộc giữa chúng. Mỗi thành tố văn hóa được nghiên cứu không phải với tư cách là cơ chế tàn dư, ngẫu nhiên không cần thiết (có hại, cổ sơ) mà nó luôn có một chức năng quan trọng trong văn hóa, trong cộng đồng xã hội. Thiếu một bộ phận hoặc bỏ qua một bộ phận sẽ không hiểu một cách đầy đủ tổng thể một nền văn hóa. Ví dụ, cấm đoán một nghi lễ là có hại - làm cho văn hóa dân tộc ấy bị suy thoái. Cấm tục săn đầu người trong lễ thành đinh của người dân Châu Phi sẽ làm mất uy quyền của già làng. Malinowski lên án chế độ thực dân thường can thiệp thô bạo vào văn hóa các dân tộc thuộc địa.

Mặc dù có ưu điểm như vậy, nhưng thuyết chức năng của Bronislaw Malinowski cũng có hạn chế về phương pháp tiếp cận, nghiên cứu văn hóa - xã hội. Bronislaw Malinowski cho rằng để giải thích chức năng xã hội, những hiện tượng văn hóa, chỉ cần quan sát trực tiếp các nền văn hóa trong bối cảnh hiện tại, không cần truy ngược về quá khứ vì là hão huyền không có chứng cứ khoa học vì ông cho rằng: mỗi nền văn hóa hình thành hệ thống cân bằng theo chức năng, mọi tập tục đều có tương quan với các tập tục khác. Mỗi tập tục quy định tình trạng của tập tục kia phụ thuộc. *Chức năng của các tập tục là thỏa mãn nhu cầu sinh học chủ yếu của cá nhân thông qua phương tiện văn hóa. Chức năng của mỗi tập tục là vai trò mà nó nắm giữ trong việc duy trì sự toàn vẹn của hệ thống xã hội*. Không thể xem các tập tục của các xã hội có quy mô nhỏ như là tàn dư của thời kỳ trước đó mà phải được giải thích theo chức năng hiện thời của chúng. Quan hệ kinh tế không chi phối các khía cạnh khác của đời sống xã hội. Cuối cùng, ông khuyên nên loại trừ nghiên cứu riêng lẻ.

Nghiên cứu phải gắn với các thiết chế (kinh tế, chính trị, pháp luật và đạo đức). Ông còn cho rằng: Văn hóa biến đổi chủ yếu đến từ bên ngoài, kết quả của quá trình giao lưu, tiếp biến (phủ nhận yếu tố nội sinh). Hạn chế của lý thuyết này không giải quyết được mâu thuẫn hiện tại. Do ông phủ nhận nghiên cứu văn hóa không cần dựa vào lịch sử, quá khứ, chỉ dựa vào bối cảnh xã hội hiện tại, nên bị trường phái Macxit cho là thuyết phản động, có ý đồ phủ nhận lịch sử dân tộc.

Một đại biểu khác của trường phái lý thuyết chức năng - cấu trúc là A. R. Radcliffe Brown (1881-1955). Mặc dù là học trò của B. Malinowski nhưng ông không bê nguyên lý thuyết của thầy để vận dụng mà có kế thừa và bổ sung, phát triển. Ông cho rằng muốn lý giải thấu đáo vấn đề về hiện tượng văn hóa - xã hội phải cần dựa vào yếu tố lịch sử, chứ ông không phủ nhận yếu tố lịch sử trong nghiên cứu văn hóa. Tư tưởng nổi bật của ông trong trường phái chức năng - cấu trúc được biết đến như sau:

(1) Về chức năng văn hóa, ông cho rằng: *Các nhân tố văn hóa hoạt động với nhau như thế nào để đáp ứng nhu cầu của toàn xã hội*; các thiết chế văn hóa và các mối quan hệ xã hội có chức năng quan trọng để duy trì trạng thái cân bằng và tính cố kết của xã hội. Điểm này ông chịu ảnh hưởng của Durkheim.

(2) Về tôn giáo, ông cho rằng: *Tôn giáo không phải là ảo tưởng hay là niềm tin sai lầm về thực tại, mà là phần thiết yếu của hệ thống xã hội*. Một đời sống xã hội quy củ tùy thuộc vào một số cảm xúc trong những thành viên của xã hội, những cảm xúc tác động đến cách hành xử của một cá nhân trong quan hệ với những người khác. Chúng ta có thể chứng minh là, nghi lễ có một chức năng xã hội cụ thể nhằm điều tiết, duy trì và chuyển tải những cảm xúc ấy từ thể hệ này sang thể hệ khác. Ông còn giải thích rõ “cảm xúc” con người chính là “niềm tin”. Ví dụ, lễ cúng tổ tiên giúp duy trì tình cảm, đoàn kết những thành viên trong họ hàng, phân biệt nhóm này với nhóm khác. Hay lễ trong nhà thờ giúp duy trì tình cảm và mối đoàn kết trong một cộng đồng tôn giáo,... Luận điểm này của A. R. Radcliffe Brown gần giống luận điểm của É. Durkheim về chức năng tôn giáo.

Durkheim cũng cho rằng: Tôn giáo, nghi lễ tạo quy củ (áp đặt quy củ) và những cảm giác tích cực (đổi trọng lại những cảm giác tiêu cực

hay mất niềm tin); gắn kết (tăng cường đoàn kết cá nhân - xã hội); tạo và tái tạo sức sống cho một nhóm người/cộng đồng người và truyền đạt những giá trị cho thế hệ tiếp theo.

Trường phái lý thuyết chức năng và chức năng - cấu trúc đã góp phần lý giải và soi sáng nhiều nền văn hóa, tôn giáo, xã hội khác nhau trên thế giới nên có thể vận dụng để nghiên cứu trong từng trường hợp cụ thể về văn hóa, tôn giáo, xã hội hiện nay ở Việt Nam, cụ thể là tôn giáo Chăm trong bài viết này.

2. Chức năng của lễ Suk Yeng và Hội đồng Tôn giáo Chăm truyền thống ở tỉnh Ninh Thuận

Đến nay các công trình nghiên cứu văn hóa, tôn giáo, xã hội Chăm ở Việt Nam và cả nước ngoài xuất bản tương đối nhiều. Tuy nhiên, đa số các tác giả nghiên cứu, nhất là một số tác giả Việt Nam hay nhìn tôn giáo Chăm một cách phiến diện, cụ thể là họ nhìn tôn giáo Chăm Ahiér (Chăm ảnh hưởng Bàlmôn giáo) và Chăm Awal/Bani (Chăm ảnh hưởng Islam giáo) như là hai bộ phận (cặp) “đối lập” theo trường phái lý thuyết mâu thuẫn.

Thực tế, giữa hai nhóm tôn giáo Chăm này, tuy hai nhưng lại là một, không tách rời mà là một tổ hợp, một cấu trúc hoàn chỉnh không thể chia cắt. Mỗi nhóm Chăm này có vai trò và chức năng riêng, phụ thuộc lẫn nhau, cấu thành một tôn giáo, xã hội Chăm toàn vẹn. Như quan điểm của B. Malinowski, nếu thiếu hoặc bỏ qua một bộ phận thì sẽ không thể hiểu một cách đầy đủ tổng thể của một tôn giáo hay nền văn hóa đó. Ví dụ, cảm đoán một nghi lễ là có hại - làm cho văn hóa dân tộc ấy bị suy thoái.

Trường hợp nghi lễ Suk Yeng của người Chăm, do người Chăm Awal/Bani thực hiện có sự tham gia của người Chăm Ahiér nhưng nghi lễ này có điểm đặc biệt là không thực hiện một ngày đồng loạt ở 7 thánh đường (*sang magik*) của người Chăm Awal ở vùng Ninh Thuận mà cứ chu kỳ 3 năm tổ chức một lần, luân phiên ở 7 thánh đường (*sang magik*) trong 7 tuần vào ngày thứ Sáu (*harei Suk* - ngày Mohamad). Vì vậy, người Chăm gọi lễ này là “Suk Yeng”, có nghĩa là chu kỳ lễ ngày thứ Sáu: (**Suk**: thứ Sáu, **Yeng**: quay vòng, chu kỳ)³.

Diễn trình nghi lễ này không có gì phức tạp, cũng như nghi lễ khác

trong thánh đường người Chăm Awal/Bani. Phụ trách phần cúng lễ là tu sĩ Acar. Lễ vật bao gồm phần lạt/chay (xôi chè, chuối, bánh trái) và mặn (com, canh, cá...). Trước khi hành lễ có đánh trống, trong lễ có đọc kinh trong thánh đường. Trong dịp lễ này những tín đồ đội lễ vật đến thánh đường để dâng cúng.

Trước khi bước vào nghi lễ trong buổi sáng ngày lễ đó, Hội đồng tôn giáo Chăm nhóm họp tại thánh đường. Hội đồng Tôn giáo Chăm bao gồm có hai nhóm tôn giáo chính: Nhóm Chăm Ahiér gồm có 3 thầy cả sư (Po Adhia) trụ trì 3 nhóm đền, tháp (Po Ina Nagar, Po Klaong Garai và Po Rome) và nhóm Chăm Awal/Bani (Chăm ảnh hưởng Islam giáo) gồm 7 cả sư (Po Gru) đại diện cho 7 thánh đường ở 7 làng Chăm Awal. Từ năm 1964 trở về đây, ở vùng Chăm Ninh Thuận, có thêm nhóm Chăm Islam chính thống. Để tránh sự đối lập, hướng đến sự dung hòa đồng nhất trong việc sinh hoạt tôn giáo xã hội trong cộng đồng, từ xa xưa người Chăm đã có Hội đồng Tôn giáo Chăm truyền thống, họ gọi là “*Tajuh Halau Klau Bimong*” (Hội đồng của 7 chùa người Chăm Bani và 3 đền tháp người Chăm Balamôn). Hội đồng này 3 năm họp (hội nghị) một lần luân phiên tại 7 thánh đường Chăm Awal Ninh Thuận vào ngày thứ Sáu hàng tuần gọi là ngày lễ Suk Yeng.

Nội dung hội nghị này là tổng kết công tác tôn giáo; phê bình, kiểm điểm những vấn đề sai lầm của các chức sắc, tín đồ trong quá trình thực hiện các nghi lễ cúng bái, sinh hoạt ở 3 khu vực đền tháp Chăm Ahiér và 7 thánh đường Chăm Awal trong 3 năm qua ở vùng Chăm Ninh Thuận. Đồng thời, đề ra phương hướng, kế hoạch mới cho sức sắc và tín đồ thực hiện trong 3 năm tiếp theo. Với nội dung và phương châm hoạt động hữu hiệu như trên, Hội đồng Tôn giáo truyền thống Chăm (*Tajuh Halau Klau Bimong*) này từ xa xưa có một vai trò quan trọng trong việc điều hòa mối quan hệ tôn giáo, xã hội; lưu giữ được phong tục, tập quán; chống được sự xâm nhập văn hóa ngoại lai và bảo tồn được bản sắc văn hóa Chăm trong suốt chiều dài lịch sử hội nhập vào cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Tuy nhiên, từ sau 1975, vì nhiều nguyên nhân khác nhau, có một thời gian dài một số nghi lễ truyền thống người Chăm không được thực hiện và Hội đồng Tôn giáo truyền thống người Chăm cũng không

được phép hoạt động. Sau năm 1991, đất nước mở cửa, một số nghi lễ Chăm được phục hồi, Hội đồng Tôn giáo truyền thống người Chăm cũng được phép hoạt động nhưng rất yếu ớt. Từ đó đến nay, tôn giáo - xã hội Chăm mất đi một hệ thống tổ chức truyền thống, dĩ nhiên lúc đó có chính quyền quản lý. Vì thế tôn giáo, xã hội Chăm xảy ra nhiều vấn đề bất cập. Chẳng hạn như việc tranh chấp cả sư giữa các đền tháp, giữa các thánh đường gây mất đoàn kết nội bộ; việc lịch pháp Chăm không có tổ chức nào xâu đầu mỗi nên không thống nhất, mỗi nơi có cách tính lịch khác nhau, rất khó khăn trong việc xem lịch để tổ chức cưới gả, tang ma; vùng Chăm bị tôn giáo mới xâm nhập; luật tục Chăm bị phá vỡ⁴.... Hậu quả của thực trạng này rất đúng với nhận định của B. Malinowski: “một khi chức năng của một tập tục, của một nghi lễ, của một hiện tượng văn hóa bị phá vỡ sẽ làm cho văn hóa dân tộc ấy bị suy thoái”.

Từ thực trạng nêu trên, mấy năm qua, nhận thấy Hội đồng Tôn giáo truyền thống Chăm có vai trò quan trọng trong việc điều hòa tôn giáo, xã hội cho nên nhiều chức sắc, trí thức và những nhà khoa học người Chăm kiến nghị Nhà nước công nhận hoặc cho thành lập, củng cố Hội đồng Tôn giáo truyền thống của người Chăm ở Ninh Thuận. Kết quả, năm 2004, Ban Bí thư Trung ương ra Thông báo 119 “Về công tác đối với Hồi giáo trong tình hình mới”; Chính phủ có Nghị định 22 về Tôn giáo và Tỉnh ủy Ninh Thuận có Kế hoạch số 50 “Về việc thực hiện Thông báo 119 của Ban Bí thư Trung ương”, v.v.. Dựa vào những chính sách nêu trên, một số chức sắc và trí thức Chăm đã làm đơn đề ngày 15/01/2006 trình lên UBND Tỉnh xin phép thành lập Hội đồng Sư Cả Hồi giáo Bani ở Ninh Thuận. Xét đơn đề nghị này, UBND tỉnh Ninh Thuận ra công văn số 2749/UBND-VX và công văn số 150/BTG-VP của Ban Tôn giáo tỉnh Ninh Thuận ra ngày 6/9/2006 chấp thuận đề nghị thành lập Hội đồng Sư Cả Hồi giáo Bani của người Chăm Ninh Thuận và khoảng 2 năm sau Hội đồng Sư Cả Balamôn của người Chăm Ninh Thuận cũng ra đời.

Được sự chấp thuận của chính quyền địa phương, Hội đồng Sư Cả Hồi giáo Bani của người Chăm Ninh Thuận đã tiến hành Đại hội Nhiệm kỳ I tại thánh đường thôn Thành Tín, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Hội đồng bầu Ban Chấp hành gồm 23 thành viên, bao

gồm một số chức sắc, tu sĩ và thành viên của ban phong tục ở 7 làng Chăm Bani. Hội nghị bầu Cả sư Kiêu Bình (thôn Thành Tín) làm Chủ tịch; Phó Cả sư Từ Công Dư (thôn Văn Lâm); Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký; Phó Cả sư Dương Điệp (thôn Phước Nhơn); Phó Chủ tịch. Hội Đồng Tôn giáo truyền thống có con dấu, tài khoản và có quy chế hoạt động riêng, gồm 5 chương, 12 điều.

Sau hai năm thành lập, nhân dịp lễ “Suk Yeng” năm 2008 (từ ngày 8/5 đến ngày 20/6/2008), Hội đồng Sư Cả Hồi giáo Bani Ninh Thuận đã tổ chức hội nghị và bước đầu tập trung thảo luận ba chuyên đề chính:

- (1) Những quy ước tập tục trong lễ trưởng thành (*Kareh*);
- (2) Lễ cưới (*Ndam Likhah*);
- (3) Lễ tang (*Ndam Padhi*).

Qua hơn 14 ngày thảo luận sôi nổi (mỗi tuần chỉ hội thảo hai ngày, ngày thứ Năm và thứ Sáu. Ngày thứ Sáu là ngày chính thức) luân phiên tại 7 thánh đường ở 7 làng Chăm Bani Ninh Thuận, Hội nghị đã thu được kết quả bước đầu đáng kể. Đặc biệt, Hội nghị đã đi đến thống nhất một số quy ước chung trong phong tục, tập quán phù hợp với nếp sống mới hiện nay. Diễn hình như sau:

1) Hội nghị quy ước thống nhất đặt lại ngày tháng để tổ chức “lễ trưởng thành” (*Kareh*) không như luật tục quy định là chỉ được tổ chức ngày thứ Sáu, mà được tổ chức vào 2 ngày trong tuần, bắt đầu ngày thứ Sáu, sau đó mới đến ngày thứ Tư trong tuần. Vì ngày nay, dân số Chăm tăng, nếu chỉ tổ chức lễ ngày thứ Sáu thôi sẽ không đủ. Ngày nay, xã hội Chăm là xã hội mở, không khép kín như xưa nên xuất hiện một số trường hợp người Chăm kết hôn với người khác dân tộc, khác tôn giáo. Do đó, con cái của các cuộc hôn nhân giữa Chăm Bani với Chăm Balamôn, Chăm Bani với người Việt cũng xuất hiện ở cộng đồng Chăm. Những người con này cũng được phép làm “lễ trưởng thành” (*Kareh*) theo luật đạo mà không phân biệt hoặc cấm đoán như trước kia, v.v.. Điểm này được Hội nghị ra quy ước thống nhất trong 7 làng Chăm Bani mà không ai được quyền làm trái, gây lộn xộn trong cộng đồng Chăm như mấy năm qua.

2) Trong “lễ cưới” (*Ndam Likhah*), Hội đồng đã nhất trí bãi bỏ “lễ ra mắt cô dâu, chú rể”, tục này ảnh hưởng từ người Kinh; cấm cô dâu

Chăm mặc áo cưới Hàn Quốc và cấm việc dựng rạp lễ cưới trong nhà của chủ hôn quá hai ngày để thết đãi khách mang hình thức kinh doanh. Vì đây không phải là tục lệ truyền thống trong lễ cưới Chăm mà chỉ là tệ nạn xã hội mới ảnh hưởng từ văn hóa ngoại lai trong những năm gần đây. Trong tục cưới, Hội đồng Tôn giáo còn quy định số người cụ thể bên đằng gái đến bên nhà đằng trai để dự lễ kết hôn (*paklok panuec*) là không quá 10 người thay vì 15 đến 20 người như trước kia để giảm bớt sự tốn kém cho việc thết đãi tiệc ăn uống linh đình. Hội đồng Tôn giáo còn quy ước từng lễ vật cho lễ cưới như tục cô dâu đội lễ vật đến dâng cho họ đằng trai, nếu họ lớn thì phải dâng 250 nải chuối, nay giảm xuống chỉ còn 10-15 nải chuối,....

3) Trong “lễ tang” (Ndam Padhi) của người Chăm Bani thường tổ chức cúng một cặp trâu nay được quy định cụ thể theo phong tục là việc cúng trâu trong đám tang không bắt buộc mà tùy theo điều kiện gia đình giàu nghèo. Người nghèo có thể cúng cá khô cho người chết trong đám tang mà không cần cúng đôi trâu như trước nữa,....

4) Hội đồng Tôn giáo còn thành lập 4 tiểu ban, bao gồm: Ban Tài chính, Ban Soạn lịch, Ban Phong tục và Ban Kiểm soát. Các tiểu ban này là cần thiết, giúp Hội đồng hoạt động có quy củ hơn và từ đó mới có thể triển khai những vấn đề niềm tin tôn giáo của người Chăm một cách khoa học⁵.

Kết luận

Tôn giáo và niềm tin tôn giáo cũng như các nghi lễ thực hành niềm tin tôn giáo có vai trò quan trọng và chi phối sâu sắc đời sống xã hội của người Chăm. Tôn giáo có chức năng quan trọng trong việc điều hòa và ổn định trật tự xã hội. Văn hóa, xã hội hay tôn giáo đều phải được xem xét một cách tổng thể trong các mối quan hệ. Thất truyền, xóa bỏ hay cấm đoán một hợp phần nào đó trong văn hóa, tôn giáo, xã hội thì có nhiều khả năng dẫn đến tình trạng văn hóa, tôn giáo và xã hội bị rối loạn, suy thoái.

Trong tình hình đặc thù về tôn giáo của người Chăm ở Việt Nam, để các chức năng của tôn giáo góp phần vào việc điều hòa và phát triển xã hội thì trách nhiệm không chỉ riêng đối với chức sắc, tu sĩ Chăm mà còn đòi hỏi người quản lý, người thực hành tôn giáo phải

hiểu phong tục tập quán người Chăm, có tri thức khoa học chuyên ngành nhất định. Ban Tôn giáo ở các tỉnh có đông người Chăm sinh sống nên có những chuyên viên là người Chăm có đạo đức, nắm vững phong tục tập quán, niềm tin tôn giáo của người Chăm để tham mưu cho các cấp lãnh đạo, các ban ngành chức năng trong việc quản lý hoạt động tôn giáo và hoạch định chính sách phù hợp với tôn giáo của người Chăm⁶. Đồng thời, ở góc độ quản lý nhà nước về tôn giáo, chính quyền địa phương chỉ nên quản lý các hoạt động tôn giáo và đóng vai trò “bà đỡ” cho những đề nghị triển khai thực hành tôn giáo của Hội đồng Tôn giáo Chăm truyền thống theo đúng quy định của pháp luật, tránh can thiệp sâu và công việc nội bộ của tổ chức tôn giáo. Mặt khác, Hội đồng Tôn giáo Chăm truyền thống nên chọn lựa những tu sĩ trẻ trong Hội đồng có trình độ học vấn tham gia các lớp tập huấn ngắn ngày về tôn giáo do Nhà nước tổ chức để họ nắm vững chính sách của Đảng, Nhà nước, đồng thời học hỏi thêm việc quản lý và điều hành hoạt động tôn giáo. Từ đó, họ có thể nâng cao trình độ chuyên môn, tự gánh vác nhiệm vụ tôn giáo của họ mà không bị lệ thuộc và chi phối bởi người khác./.

CHÚ THÍCH:

- 1 *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009*, 2010, Nxb. Thống kê, Hà Nội, Biểu 5, tr. 134-225.
- 2 Phần này, chúng tôi tóm tắt lại theo tài liệu của A. A. Belik, 2000.
- 3 *Suk Yeng* là một cụm từ Chăm có nghĩa như sau: **Suk**: tiếng Chăm nghĩa là ngày “thứ Sáu” (Ban Biên soạn Sách chữ Chăm tỉnh Ninh Thuận thường viết **Sug**: Thứ Sáu là không đúng vì tiếng Chăm không có phụ âm cuối là ‘g’); **Yeng**: có nghĩa là “quay vòng, chu kỳ”. Cụm từ **Suk Yeng** tạm dịch là: “Chu kỳ lễ ngày thứ Sáu”; Dịch thoát nghĩa là: “Chu kỳ lễ ngày thứ Sáu tại 7 thánh đường người Chăm Bani”.
- 4 Xem: Sakaya (2000), “Thực trạng Tôn giáo, tín ngưỡng của người Chăm Ninh Thuận”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4: 40-44; Sakaya (2000), “Luật tục Chăm và luật pháp nhà nước trong vấn đề hôn nhân và gia đình hiện nay”, *Văn hóa Dân gian*, số 1: 67-76, và trong sách *Thần thoại các dân tộc thiểu số Việt Nam - Truyền cổ dân tộc Chăm* (tiếng Nhật), Nxb. Akashi Shoten, Japan, 2000: 213-233; Phan Đăng Nhật, (Chủ biên: Sakaya, Trần Vũ, Chamalaik Rija Tiêng) (2004), *Luật tục người Chăm và Raglai*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội: 188-194; Trương Nghiệp Vũ (Chủ biên), Thành Chiêu, Đồng Văn Đình, Trương Văn Món (2002), *Tôn giáo - Tín ngưỡng của người Chăm ở Ninh Thuận: Thực trạng và Giải pháp*, Đề tài của Ban Dân vận Tỉnh ủy tỉnh Ninh Thuận và Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Ninh Thuận: 75-80.

- 5 Xem thêm chi tiết nội dung thảo luận trong biên bản tổng kết hội nghị của Hội đồng Sư Cả Hồi giáo Bàni đọc tại thánh đường thôn Tuấn Tú ngày 20/6/2008.
- 6 Ở một số tỉnh có đông người Chăm sinh sống nhưng trong Ban Tôn giáo Tỉnh lại không có một chuyên viên nào là người Chăm để nắm vững về vấn đề tôn giáo Chăm. Do vậy, nếu có vấn đề gì xảy ra, cán bộ thường vội vàng xuống địa phương hỏi han và thông tin thu thập được từ nhiều nguồn bị rối, nên không thể phân định được thông tin đúng - sai. Từ đó, dẫn đến việc định hướng và hoạch định chính sách về tôn giáo cho người Chăm không phù hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Quốc Anh (2006), *Nghi lễ vòng đời người của người Chăm Ahiér ở Ninh Thuận*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
2. Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dốp (1991), *Văn hóa Chăm*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Phan Xuân Biên (1989), *Người Chăm ở Thuận Hải*, Sở Văn hóa Thông tin Thuận Hải xuất bản.
4. Belik, A. A (2000), “Văn hóa học: Những lý thuyết Nhân học văn hóa”, *Văn hóa Nghệ thuật*.
5. Ngô Văn Doanh (1994), *Văn hóa Champa*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
6. Ngô Văn Doanh (2002), *Văn hóa cổ Champa*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
7. Nguyễn Hồng Dương (2007), *Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo, tín ngưỡng Chăm ở hai tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Nguyễn Duy Hình (2010), *Người Chăm xưa & nay*, Nxb. Từ điển Bách Khoa & Viện văn hóa, Hà Nội.
9. Layton, Robert (2007), *Nhập môn Lý thuyết Nhân học*, Nxb. Đại học Quốc gia (Phan Ngọc Chiến dịch).
10. Malinowski (1972), “The role of Magic and Religion”, in William A. Lessa Evon Z. Vogt, *Reader in Comparative Religions - An Anthropology Approach*, Happer & Row, Publishers, New York Evanston San Francisco London: 63-72.
11. Phan Đăng Nhật cùng nhóm tác giả (2004), *Luật tục người Chăm và Raglai*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội: 188-194.
12. Nhiều tác giả (2008), *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
13. Sakaya (2000), “Thực trạng Tôn giáo, tín ngưỡng của người Chăm Ninh Thuận”, *Nghiên cứu Tôn Giáo*, số 4: 40-44 và trong sách *Tôn giáo và tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004: 543-556.
14. Sakaya (2000), “Luật tục Chăm và luật pháp nhà nước trong vấn đề hôn nhân và gia đình hiện nay”, *Văn hóa Dân gian*, số 1: 67-76.
15. Sakaya (2000), *Thần thoại các dân tộc thiểu số Việt Nam Truyện cổ dân tộc Chăm* (tiếng Nhật), Nxb. Akashi Shoten, Japan.
16. Sakaya (2010), *Văn hóa Chăm - Nghiên cứu và phê bình*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
17. Sakaya (2003), *Tiếp cận một số vấn đề văn hóa Champa*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
18. Philip Smith (2001), *Cultural Theory - An Introduction*, Blackwell Publishers, USA.

19. Trương Nghiệp Vũ (Chủ biên) cùng nhóm tác giả (2002), *Tôn giáo - Tín ngưỡng của người Chăm ở Ninh Thuận: Thực trạng và Giải pháp*, Đề tài của Ban Dân vận Tỉnh ủy tỉnh Ninh Thuận và Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Ninh Thuận, năm 2002: 75-80.
20. William A. Lessa Evon Z. Vogt (1972), *Reader in Comparative Religions - An Anthropology Approach*, Happer & Row, Publishers, New York Evanston San Francisco London.

Abstract

THE APPROACH TO A RELIGIOUS FUNCTION OF THE CHAMS' TRADITIONAL RELIGION COUNCIL IN NINH THUAN PROVINCE THROUGH SUK YENG RITUAL FROM FUNCTIONALISM AND STRUCTURAL - FUNCTIONALISM

The article indicates the religious function of the Chams' Traditional Religion Council in Ninh Thuan province through the Suk Yeng ritual. Suk Yeng ritual is periodically held every three years in the sanctuary of the Chams Awal/Bani (Cham influenced by Islam). Before performing the ritual, the Chams' Traditional Religion Council (including 7 masters (Po Gru) who represent seven sanctuaries of the Chams Awal and 3 masters (Po Adhia) who represent three temples of the Cham Ahiér - the Chams influenced by Brahmanism) gathers in order to evaluate the implementation of religious affairs such as customs, marriage, funeral, ritual, calendar, etc. in the past three years. Based on this evaluation, the Traditional Religion Council proposes new directions for the next three years. As a result, the Chams Awal and the Chams Ahiér communities are homogeneous and unobstructed although they have their own religions. The Traditional Religion Council has contributed to regulate the social relationship and to link the two religions.

Keywords: Function, religion, society, ritual, link, Ninh Thuan.